

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 17/01/2023  
Về việc “*Không công nhận  
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.  
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Thuận.
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị T, sinh năm 1967.  
Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.
- Bị đơn: Ông Hà Văn X, sinh năm 1962.  
Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vi Thị T trình bày:* Bà Vi Thị T và ông Hà Văn X chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1987 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà T và ông X lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian và sinh được 02 người con là Hà Thị C, sinh ngày 15/8/1988 và Hà Hồng Q, sinh ngày 04/5/1991. Đến năm 2009 cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, do có quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau về tính cách nên việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái cũng có nhiều quan điểm khác nhau,

không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Nhiều lần hai bên tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Vi Thị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Hà Văn X.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Vi Thị T và ông Hà Văn X có 02 con chung là Hà Thị C, sinh ngày 15/8/1988 và Hà Hồng Q, sinh ngày 04/5/1991. Hiện nay 02 con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Hà Văn Xg trình bày:* Ông Hà Văn X và bà Vi Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/1987 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông X và bà T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc được 21 năm thì đến năm 2009 cuộc sống vợ chồng đã có xảy ra mâu thuẫn, do có quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau về tính cách nên việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Nhiều lần hai bên tự hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân được nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông X thì ông đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Hà Văn X và bà Vi Thị T có 02 con chung là Hà Thị C, sinh ngày 15/8/1988 và Hà Hồng Q, sinh ngày 04/5/1991. Hiện nay 02 con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận bà Vi Thị T và ông Hà Văn X là vợ chồng.

+ Về con chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông X; bị đơn ông Hà Văn X cư trú tại Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; bà T chung sống với ông X từ tháng 11 năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đây là vụ án "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Bà T chung sống với ông X từ năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; ông Hà Văn X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Các đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống, bà T và ông X xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, không hiểu nhau về tính cách nên việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Sự việc đã được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Tại điều Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

*2. Trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sau đó thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn.*

Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn

*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.*

*2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14*

*của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vi Thị T và ông Hà Văn X.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Vi Thị T và ông Hà Văn X là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung là Hà Thị C, sinh ngày 15/8/1988 và Hà Hồng Q, sinh ngày 04/5/1991 hiện nay đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vi Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003999 ngày 01/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jú;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**LỘC THỊ VINH**